

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2019/DS-ST**.

Ngày 21-10-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-DS ngày 19/8/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương – Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2019); có mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 7, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2019, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Hoàng T là bà Lê Thị C trình bày:

Trước đây chồng bà C là ông Võ Hoàng T có làm tư vấn bảo hiểm nên có quen bà Ngô Thị T1. Do bà T1 bảo điều kiện khó khăn nên có vay của ông T số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Hai bên có làm hợp đồng vay tiền do ông Võ

Hoàng T viết và ký tên ở mục bên A là bên cho vay và bà T1 có ký, lăn tay vào mục bên B là bên vay. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 14/5/2018 đến ngày 14/5/2019, lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn vay nhưng bà T1 vẫn không chịu trả dù ông T có yêu cầu nhiều lần. Nay, ông T yêu cầu bà T1 trả số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Đối với tiền lãi thì tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả.

- *Tại bản tự khai, quá trình hòa giải bị đơn bà Ngô Thị T1 trình bày:* Trước đây bà T1 có mối quan hệ tình cảm với ông T. Ông T có cho bà T1 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) chứ bà T1 không có vay của ông T. Tờ giấy hợp đồng vay tiền là do ông T viết và ép buộc bà T1 ký, viết tên, điền chỉ vào. Nay, với yêu cầu của ông T thì bà T1 không đồng ý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có thể xác định bà T1 có nợ số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), bà T1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng vay tiền là của bà T1 nhưng do ông T ép, tuy nhiên bà T1 không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị T1 có trách nhiệm trả số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cho ông Võ Hoàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên thời hiệu khởi kiện là 03 năm theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngày 14/5/2018, các bên giao kết hợp đồng, ngày 15/5/2019 hết thời hạn trả nợ theo hợp đồng, ngày 08/8/2019 ông Võ Hoàng T khởi kiện nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Võ Hoàng T khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị T1 trả số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn đồng), tổng cộng là 70.280.000 đồng (Bảy mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Chứng cứ ông Võ Hoàng T đưa ra là tờ Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2018 có chữ ký, chữ viết của bà Ngô Thị T1. Bà Ngô Thị T1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng là của bà T1, bà T1 có nhận số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) của ông T. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bà T1 cho rằng bà T1 bị ép vào Nhà nghỉ TT vào trưa ngày 20/10/2018. Việc này không được ông T thừa nhận cũng như theo xác minh tại Nhà nghỉ TT thì trưa ngày 20/10/2018 không có ai tên là Võ Hoàng T và Ngô Thị T1 đến nghỉ ở Nhà nghỉ TT. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà T1.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Hết thời hạn nhưng bà T1 không trả tiền cho ông T nên ông T yêu cầu Tòa án buộc bà Trang trả tiền là có căn cứ.

Đối với tiền lãi: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Ngô Thị T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Võ Hoàng T số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 185, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 429, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hoàng T đối với bị đơn bà Ngô Thị T1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị T1 trả cho nguyên đơn ông Võ Hoàng T số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Ngô Thị T1 phải nộp số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Võ Hoàng T số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026503 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

3. Về quyền kháng cáo:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Duyên